

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### **I. Giới thiệu:**

#### **1. Khái quát về dự toán và gói thầu.**

##### **1.1. Khái quát về dự toán:**

- Tên dự toán: Các nhiệm vụ, đề án thuộc nguồn không tự chủ năm 2025 (Đợt 2) của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số;
- Tên Chủ đầu tư: Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số
- Địa điểm thực hiện: Thành phố Hà Nội
- Thời gian thực hiện: Năm 2025

##### **1.2. Gói thầu:**

- Tên gói thầu: Tích hợp sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập cổng dịch vụ công và làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Tích hợp sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập cổng dịch vụ công và làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công

- Lĩnh vực: Tư vấn
- Giá gói thầu: 882.000.000 VND
- Chi tiết nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế
- Hình thức LCNT: Đấu thầu rộng rãi
- Phương thức LCNT: Một giai đoạn hai túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày
- Mục tiêu: Kết nối và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp qua đó hỗ trợ việc sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập cổng dịch vụ công và làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.

- Kết quả đạt được:

+ Thành công kết nối tích hợp kỹ thuật Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương với CSDL quốc gia về dân cư, CSDL quốc gia về doanh nghiệp;

+ Ứng dụng định danh, xác thực điện tử tài khoản người dùng trên cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương;

+ Dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương được làm sạch và định danh.

#### **2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu.**

Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm cần thiết trong việc Kết nối và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp qua đó hỗ trợ việc sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập cổng dịch vụ công và làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.

## II. Phạm vi công việc:

**1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có).**

### 1.1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu:

Tích hợp sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập cổng dịch vụ công và làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công.

**1.2. Nguồn vốn:** Sự nghiệp kinh tế.

**1.3. Tên cơ quan thực hiện dự toán:** Cục thương mại điện tử và Kinh tế số.

**1.4. Thời gian thực hiện:** 60 ngày.

**1.5. Tiến độ thực hiện:** 60 ngày.

**2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn:**

- Thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Cụ thể:

- Lập bảng tiến độ thực hiện chi tiết trước khi triển khai theo quy định về quản lý tiến độ thực hiện dự án tại Điều 33 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

- Xác định yêu cầu và xây dựng phần mềm. Phần mềm được xây dựng phải đáp ứng theo các yêu cầu theo thiết kế chi tiết được Chủ đầu tư phê duyệt. Cụ thể:

### 2.1. Yêu cầu về giải pháp công nghệ triển khai

STT	Tên giải pháp công nghệ	Lựa chọn
1	Hệ điều hành	<i>Hệ điều hành Windows Server hoặc CentOS</i>
2	Ngôn ngữ lập trình	<i>Ngôn ngữ lập trình PHP hoặc C#.</i>
3	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	<i>Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL hoặc Microsoft SQL server</i>

**2.2. Yêu cầu về phương án, giải pháp bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan**

❖ Mỗi hệ thống khác của đơn vị đều có database riêng biệt lưu trữ các nội

dung thông tin.

❖ Dữ liệu giữa database của đơn vị với database của hệ thống hỗ trợ công tác tổng hợp báo cáo và đào tạo, phổ biến thông tin trực tuyến được liên thông với nhau thông qua Web Service và Api Gateway.

❖ Công kết nối kỹ thuật của phần mềm đối với các hệ thống đã có trong đơn vị và các hệ thống mới cần đảm bảo:

- Thiết lập các cơ chế kết nối đảm bảo về an toàn dữ liệu.
- Xác thực đúng hệ thống kết nối theo nhiều mức.
- Đảm bảo xử lý dữ liệu kết nối và đồng bộ liên tục (tùy theo loại dữ liệu).
- Có cơ chế lưu log và đối soát tùy theo loại dữ liệu (nếu cần) giữa các hệ thống.

- Có cơ chế kết nối phù hợp với kiến trúc tổng thể của hệ thống

❖ Công kết nối kỹ thuật của phần mềm với các ứng dụng tác nghiệp có liên quan trong hệ thống của đơn vị, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có cơ chế đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống tác nghiệp phù hợp với các nghiệp vụ phát sinh của phần mềm và cơ chế đồng bộ dữ liệu từ phần mềm sang các hệ thống tác nghiệp phục vụ nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Kết nối phù hợp với kiến trúc truyền nhận dữ liệu của các ứng dụng hiện đang triển khai trong phần mềm và không làm ảnh hưởng tới các ứng dụng tác nghiệp.

### 2.3. Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng

Tiêu chuẩn kỹ thuật theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, cụ thể như sau:

#### Tiêu chuẩn về kết nối

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
3	Truyền thư điện tử	SMTP/MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	Bắt buộc áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
4	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng cả hai tiêu chuẩn đối với máy chủ
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
5	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
6	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc áp dụng
7	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
8	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc áp dụng
9	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc áp dụng
		IPv6	Internet Protocol version 6	Bắt buộc áp dụng đối với các thiết bị có kết nối Internet
10	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc áp dụng
11	Dịch vụ Web	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL v1.1	Web Services Description Language version 1.1	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
12	Dịch vụ đồng	NTP v3	Network Time	Bắt buộc áp

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	bộ thời gian		Protocol version 3	dụng

### Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5 <sup>th</sup> Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5 <sup>th</sup> Edition)	Bắt buộc áp dụng
		XML v1.1	Extensible Markup Language version 1.1	
2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	TCVN ISO/TS 15000:2007	Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng kinh doanh điện tử (eXML)	Bắt buộc áp dụng
3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema v1.0	XML Schema version 1.0	Bắt buộc áp dụng
4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên bản mới nhất.
5	Trình diễn bộ ký tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UCS)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
6	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc áp dụng
7	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc áp dụng
8	API tích hợp và trao đổi dữ liệu (bàn giao mã chương trình nguồn)		API tích hợp vào trực liên thông tích hợp LGSP API tích hợp với các hệ thống có sẵn và hệ thống mới sau này	Bắt buộc áp dụng

### Tiêu chuẩn về truy cập thông tin

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc áp dụng
2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	
4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc áp dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc) phiên bản Word 1997-2003	
		(.odt) v1.1	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.1	
5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls) phiên bản Excel 1997-2003	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.1	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.1	

6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các bài trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft phiên bản PowerPoint 1997-2003	
		(.odp) v1.1	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.1	
7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
8	Ảnh gắn với toạ độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc áp dụng
9	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc áp dụng
10	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc áp dụng
11	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc áp dụng
12	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
13	Ngôn ngữ kịch bản	ECMA 262	ECMAScript version 3 (3 <sup>rd</sup> Edition)	Bắt buộc áp dụng

	phía trình khách			
14	Chia sẻ nội dung Web	RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	
18	Chuẩn kết nối ứng dụng công nghệ thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc áp dụng
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc áp dụng

### Tiêu chuẩn về an toàn thông tin

Số TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc áp dụng
2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc áp dụng
		SSL v3.0	Secure Socket Layer version 3.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	
3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol over Secure Socket Layer	Bắt buộc áp dụng
4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol over Secure Socket Layer	Bắt buộc áp dụng
5	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	POPS	Post Office Protocol over Secure Socket Layer	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		IMAPS	Internet Message Access Protocol over Secure Socket Layer	
7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc áp dụng
8	An toàn thông tin	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc áp dụng

Số TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	tin cho mạng không dây			dụng
9	Giải thuật chữ ký số	TCVN 7635:2007	Các kỹ thuật mật mã - Chữ ký số	Bắt buộc áp dụng
10	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc áp dụng
11	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký và mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.11	Cryptographic token interface	
	Giao diện nhập/xuất chứng thư	PKCS#12 v1.0	Certificate import/export interface	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	TCVN 8067:2009	Công nghệ thông tin - Khuôn dạng danh sách chứng thư số bị thu hồi	
	Khuôn dạng chứng thư số	TCVN 8066:2009	Công nghệ thông tin - Khuôn dạng chứng thư số	
	Yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification request	
	Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến	RFC 2560	On-line Certificate status protocol	
Giao thức gắn	RFC 3161	Time stamping protocol		

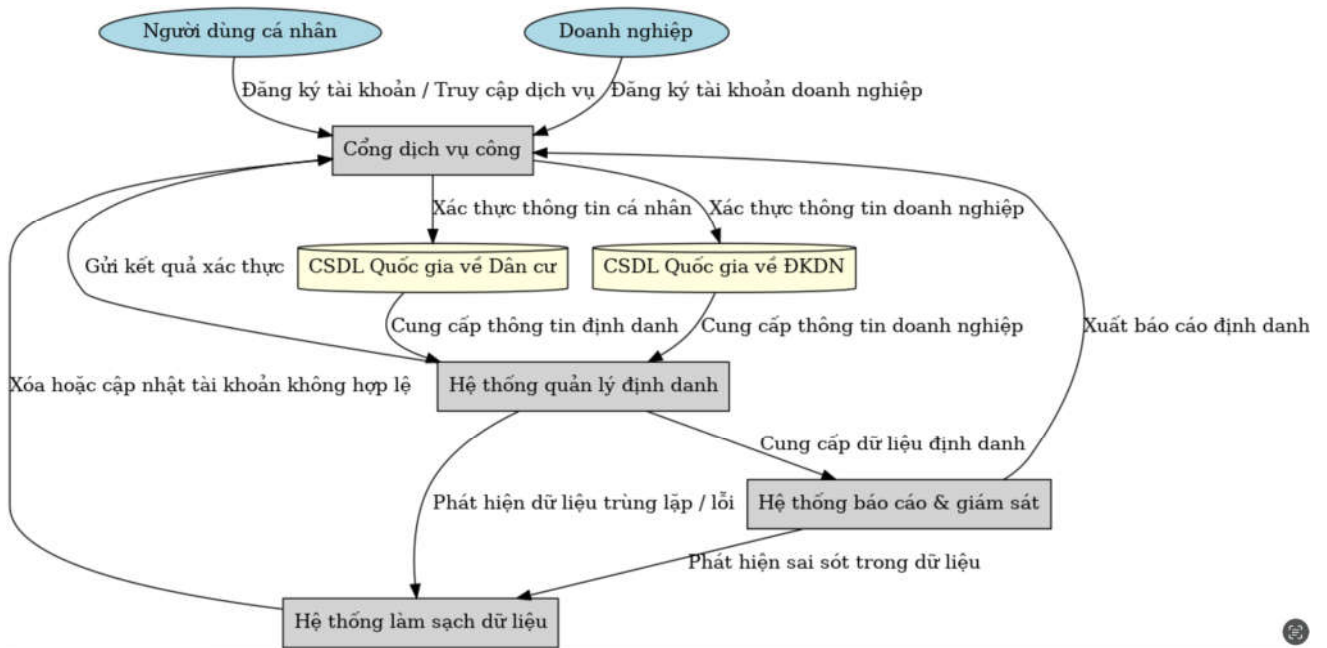
Số TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	tem thời gian			
	Dịch vụ tem thời gian	TCVN 7818-1:2007 TCVN 7818-2:2007 TCVN 7818-3:2010	Công nghệ thông tin - Kỹ thuật mật mã - Dịch vụ tem thời gian - Phần 1: Khung tổng quát - Phần 2: Cơ chế token độc lập - Phần 3: Cơ chế tạo thẻ liên kết	
12	Giao thức quản lý thiết bị	MQTT	Message Queuing Telemetry Transport	Bắt buộc áp dụng

#### 2.4. Đối với phần mềm nội bộ: Nội dung mô tả yêu cầu kỹ thuật bao gồm:

##### \* Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa

- Kết nối xác thực tài khoản định danh với CSDL quốc gia về dân cư & đăng ký doanh nghiệp
- Truy cập dữ liệu định danh người dùng trên Cổng dịch vụ công
- Thực hiện định danh tài khoản người dùng với CSDL quốc gia về dân cư & đăng ký doanh nghiệp
- Quét dữ liệu định danh toàn bộ hệ thống & Làm sạch dữ liệu tài khoản trên Cổng dịch vụ công
- Báo cáo thống kê & Quản lý lịch sử định danh
- Quản lý thông tin định danh & Mã định danh cá nhân

##### \* Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối liên hệ giữa chúng



**\* Danh sách các yêu cầu của người sử dụng**

Bảng danh sách các yêu cầu chức năng của phần mềm nội bộ

TT	Mô tả yêu cầu
1	Kết nối xác thực tài khoản định danh với CSDL quốc gia về dân cư
2	Kết nối xác thực tài khoản định danh với CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
3	Truy cập dữ liệu định danh người dùng trên Cổng dịch vụ công
4	Thực hiện định danh tài khoản người dùng với CSDL quốc gia về dân cư
5	Thực hiện định danh tài khoản người dùng với CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
6	Quét dữ liệu định danh toàn bộ hệ thống
7	Làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công
8	Báo cáo thống kê
9	Quản lý lịch sử định danh
10	Quản lý thông tin định danh
11	Quản lý mã định danh cá nhân

Bảng chuyển đổi yêu cầu chức năng sang trường hợp sử dụng

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)
1	Kết nối xác thực tài khoản định danh với CSDL quốc gia về dân cư	API kết nối, Quản trị viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thông tin định danh</li> <li>- Tiếp nhận thông tin định danh</li> <li>- Lưu lịch sử thông tin định danh</li> <li>- Cảnh báo kết nối</li> </ul>
2	Kết nối xác thực tài khoản định danh với CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	API kết nối, Quản trị viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thông tin định danh</li> <li>- Tiếp nhận thông tin định danh</li> <li>- Lưu lịch sử thông tin định danh</li> <li>- Cảnh báo kết nối</li> </ul>
3	Truy cập dữ liệu định danh người dùng trên Cổng dịch vụ công	Hệ thống bên ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách tài khoản định danh của Cổng dịch vụ công</li> <li>- Chi tiết tài khoản định danh của Cổng dịch vụ công</li> <li>- Tìm kiếm tài khoản định danh của Cổng dịch vụ công</li> <li>- Cảnh báo tài khoản định danh xác thực</li> </ul>
4	Thực hiện định danh tài khoản người dùng với CSDL quốc gia về dân cư	Người dùng, Cán bộ nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng khai báo thông tin định danh</li> <li>- Cán bộ nghiệp vụ định danh tài khoản người dùng</li> </ul>
5	Thực hiện định danh tài khoản người dùng với CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Người dùng, Cán bộ nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng khai báo thông tin định danh</li> <li>- Cán bộ nghiệp vụ định danh tài khoản người dùng</li> </ul>
6	Quét dữ liệu định danh toàn bộ hệ thống	Quản trị viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện quét dữ liệu định danh</li> <li>- Xem lịch sử quét dữ liệu định danh</li> <li>- Xem chi tiết quét dữ liệu định danh</li> <li>- Tìm kiếm một lịch sử quét dữ liệu định danh</li> </ul>

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)
7	Làm sạch dữ liệu tài khoản trên cổng dịch vụ công	Quản trị viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đề xuất làm sạch dữ liệu tài khoản</li> <li>- Kiểm tra dữ liệu đề xuất làm sạch</li> <li>- Thực hiện làm sạch dữ liệu theo đề xuất</li> <li>- Hoàn tác thao tác làm sạch dữ liệu tài khoản</li> </ul>
8	Báo cáo thống kê	Quản trị viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo dữ liệu định danh</li> <li>- Báo cáo dữ liệu tài khoản</li> <li>- Báo cáo dữ liệu đề xuất làm sạch</li> <li>- Báo cáo dữ liệu lịch sử định danh</li> </ul>
9	Quản lý lịch sử định danh	Quản trị viên API kết nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem danh sách lịch sử định danh</li> <li>- Xem chi tiết lịch sử định danh</li> <li>- Tìm kiếm lịch sử định danh theo từ khóa</li> <li>- Ghi lại lịch sử định danh</li> </ul>
10	Quản lý thông tin định danh	Người dùng, Cán bộ nghiệp vụ, Quản trị viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem danh sách tài khoản định danh</li> <li>- Tìm kiếm tài khoản định danh</li> <li>- Xem lịch sử định danh tài khoản</li> <li>- Xem chi tiết tài khoản định danh</li> </ul>
11	Quản lý mã định danh cá nhân	Người dùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem khóa định danh cá nhân</li> <li>- Xóa mã định danh cá nhân</li> </ul>

## 2.5. Các yêu cầu phi chức năng:

TT	Các hệ số	Yêu cầu
1	Xử lý phân tán	2= Yêu cầu một lớp/thành phần của hệ thống tạo dữ liệu và truyền cho các lớp/thành phần khác của hệ thống để xử lý tự động (không cần con người can thiệp vào việc xử lý).

TT	Các hệ số	Yêu cầu
2	Mức độ quan trọng của hiệu năng	5= Gồm các yêu cầu trong trường hợp “Giá trị xếp hạng” = 4 và yêu cầu có công cụ phân tích hiệu năng để sử dụng trong các giai đoạn phát triển, triển khai nhằm chứng minh việc đáp ứng các yêu cầu về hiệu năng đã đặt ra.
3	Hiệu quả sử dụng cho người dùng	2= Yêu cầu đáp ứng từ 4 đến 5 tiêu chí nêu tại cột ghi chú.
4	Độ phức tạp của xử lý bên trong	5= Có 5 yêu cầu trong các tiêu chí nêu tại cột ghi chú.
5	Khả năng tái sử dụng mã nguồn	5= Yêu cầu ứng dụng phải được đóng gói riêng và/hoặc tài liệu hóa nhằm tạo điều kiện cho việc tái sử dụng lại. Có yêu cầu có thể tùy chỉnh ứng dụng để tái sử dụng bằng cách thay đổi tham số mà không cần điều chỉnh mã nguồn.
6	Dễ cài đặt	4= Yêu cầu cung cấp công cụ hỗ trợ cài đặt tự động trên hai môi trường vận hành phần mềm (hệ điều hành máy chủ, máy tính, thiết bị di động,...), yêu cầu thiết lập thông số khi cài đặt trên hai môi trường và có yêu cầu phải xây dựng tài liệu hướng dẫn cài đặt.
7	Dễ vận hành	5= Việc vận hành hệ thống thực hiện tự động, có nghĩa là không cần sự can thiệp của con người để vận hành hệ thống ngay cả khi có lỗi xảy ra, trừ việc khởi động hoặc tắt hệ thống. Hệ thống có chức năng tự khôi phục khi có lỗi.
8	Khả năng chuyển đổi	5= Có yêu cầu hệ thống vận hành được trên nhiều môi trường phần mềm hoặc phần cứng không đồng nhất.
9	Dễ dàng bảo trì	5= Có yêu cầu về việc chỉnh sửa hệ thống trong tương lai mà không cần lập trình lại, chỉ cần cấu hình lại hệ thống.
10	Xử lý đồng thời	5= Gồm các yêu cầu trong trường hợp “Giá trị xếp hạng” = 4 và thiết kế phải đề xuất công cụ kiểm soát việc xử lý truy cập dữ liệu đồng thời.
11	Mức độ hỗ trợ bảo mật	3= Yêu cầu bảo mật mức 3.

TT	Các hệ số	Yêu cầu
12	Sự phụ thuộc vào mã lệnh của bên thứ ba	5= Không sử dụng mã lệnh sẵn có để phát triển ứng dụng.
13	Mức độ hỗ trợ đào tạo người sử dụng	3= Hệ thống có một số tiện ích để hỗ trợ đào tạo người sử dụng ở nhiều cấp độ khác nhau.

## 2.6. Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình

STT	Yêu cầu
1	Hệ thống sẽ cung cấp giao diện trực quan, thân thiện với người sử dụng và phù hợp đối với các nhóm người sử dụng khác nhau.
2	Giao diện với người sử dụng đầu cuối dựa trên nền tảng web, hỗ trợ người sử dụng cuối sử dụng thiết bị cầm tay thông minh (ví dụ: điện thoại thông minh, máy tính bảng...).
3	Giao diện ứng dụng phải thân thiện với người sử dụng và dễ dùng. Hỗ trợ tối đa sử dụng các chức năng bằng bàn phím máy tính.
	Các màn hình nhập và cập nhật dữ liệu về cơ bản phải thống nhất về các thao tác trên bàn phím cũng như về màu sắc, fonts chữ.
	Các màn hình tra cứu điều kiện lọc báo cáo cũng phải thống nhất với nhau.
	Các biểu tượng và phím nóng phải được thống nhất trong toàn bộ chương trình
4	Các giao diện thiết kế một cách đơn giản nhưng hiệu quả cao về thao tác, giảm thiểu việc mở quá nhiều tab, hiển thị và xử lý hình ảnh nhanh, màu sắc không gây cảm giác nhàm chán cho người sử dụng và theo một chuẩn giao diện thống nhất.
5	Hệ thống sẽ cho phép lưu trữ tất cả dữ liệu theo định dạng Unicode, chấp nhận tất cả các ký tự tiếng Việt có dấu.
	Giao diện màn hình, các thông báo lỗi và trợ giúp là ngôn ngữ tiếng Việt theo chuẩn TCVN6909:2001 dựa trên bảng mã Unicode dựng sẵn (ISO 10646), với trợ giúp của các bộ gõ Unikey, Vietkey.
	Giao diện chương trình dùng các Font chuẩn của hệ thống như Arial hay Times News Romans. Người dùng không phải cài thêm bất cứ font chữ nào.
6	Các chức năng phần mềm được xây dựng với một cơ chế thông báo lỗi thân thiện và rõ ràng. Thông báo lỗi phải được Việt hóa tối đa, giúp cho

STT	Yêu cầu
	người sử dụng biết được lý do gây ra lỗi để tránh lặp lại các trường hợp tương tự. Hệ thống báo lỗi xác định rõ ràng đâu là lỗi do người sử dụng gây ra và đâu là lỗi do hệ thống phần mềm gây ra và chỉ ra hướng khắc phục.
7	Với các lỗi do phần mềm/hệ thống gây ra, phải thông báo cho người dùng biết nguyên nhân và phương pháp xử lý. Có các biện pháp tự động phục hồi trong các trường hợp xác định. Tất cả các lỗi loại này phải được ghi lại thành log phục vụ cho mục đích bảo trì phần mềm, hệ thống.
8	Có tín hiệu thể hiện trạng thái hệ thống đang xử lý thông tin. Tín hiệu này phải được sử dụng thống nhất trong toàn bộ màn hình xử lý của Hệ thống (tín hiệu có thể là hình quay tròn, đồng hồ cát,...).
9	Tuân thủ các quy định về chuẩn nội dung web theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

## 2.7. Các yêu cầu về năng lực của cán bộ tham gia xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm

TT	Các hệ số tác động môi trường	Yêu cầu
<b>I</b>	<b>Hệ số tác động môi trường và nhóm làm việc (EFW)</b>	
1	Có áp dụng quy trình phát triển PM theo mẫu RUP và có hiểu biết về RUP	0= Dưới 10% các thành viên nhóm phát triển có kinh nghiệm tham gia dự án có áp dụng quy trình phát triển phần mềm.
2	Có kinh nghiệm về ứng dụng tương tự (application experiences)	0= Dưới 10% thành viên nhóm phát triển có kinh nghiệm phát triển ứng dụng tương tự.
3	Có kinh nghiệm về hướng đối tượng (Object Oriented)	3= Yêu cầu ít nhất 30% thành viên nhóm phát triển có kinh nghiệm về hướng đối tượng.
4	Kinh nghiệm của trưởng nhóm lập trình	5= Yêu cầu trưởng nhóm lập trình đã có kinh nghiệm làm trưởng nhóm lập trình 5 dự án/nhiệm vụ.

TT	Các hệ số tác động môi trường	Yêu cầu
5	Tính chủ động	5= Không yêu cầu nhóm phát triển thực hiện báo cáo theo các mốc công việc/sản phẩm trong kế hoạch thực hiện.
6	Độ ổn định của các yêu cầu	2= Độ ổn định yêu cầu mức 2.
7	Sử dụng các nhân viên làm bán thời gian	0= Không sử dụng nhân viên làm bán thời gian.
8	Kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ lập trình	5= Yêu cầu tất cả các thành viên trong nhóm lập trình có kinh nghiệm lập trình.

## 2.8. Yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin dự án

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
<b>1.</b>	<b>Xác thực</b>	
1.1	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, cấu hình Phần mềm.	<p>a) Có giao diện quản lý tài khoản người sử dụng.</p> <p>b) Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập quản trị, cấu hình Phần mềm.</p> <p>c) Yêu cầu xác thực người sử dụng khi truy cập sử dụng Phần mềm.</p>
1.2	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống.	Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương
1.3	Có chức năng cho phép thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng.	<p>a) Có chức năng yêu cầu người dùng đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định.</p> <p>b) Có chức năng cho phép thiết lập quy tắc đặt mật khẩu về số ký tự, loại ký tự.</p>

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
		<p>c) Có chức năng cho phép thiết lập thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu.</p> <p>d) Có chức năng cho phép thiết lập thời gian mật khẩu hợp lệ.</p> <p>đ) Khóa tài khoản và yêu cầu nhập mật khẩu mới khi mật khẩu của tài khoản đó hết hạn thời gian hợp lệ.</p> <p>e) Mở khóa tài khoản khi thay đổi mật khẩu thành công đối với trường hợp mật khẩu hết hạn thời gian hợp lệ.</p>
1.4	<p>Có chức năng cho phép hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định.</p>	<p>a) Có giao diện cho phép thiết lập chính sách về giới hạn số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định.</p> <p>b) Có chức năng cảnh báo tới người sử dụng khi vi phạm chính sách.</p> <p>c) Có chức năng tự động ngăn cản việc đăng nhập tự động khi vi phạm chính sách trên.</p>
<b>2.</b>	<b>Kiểm soát truy cập</b>	
2.1	<p>Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout).</p>	<p>a) Có chức năng cho phép thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi Phần mềm không nhận được yêu cầu từ người dùng.</p> <p>b) Hiển thị thông báo, đóng phiên kết nối đã hết hạn thời gian timeout và yêu cầu đăng nhập lại.</p>
2.2	<p>Có chức năng cho phép giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.</p>	<p>a) Có giao diện cho phép quản trị viên quản lý chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa.</p> <p>b) Có chức năng thực thi chính sách về giới hạn địa chỉ mạng quản trị</p>

TT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả yêu cầu
		được phép truy cập, quản trị Phần mềm từ xa ở trên.
<b>3.</b>	<b>Nhật ký hệ thống</b>	
3.1	Có chức năng cho phép ghi nhật ký hệ thống gồm những thông tin.	a) Phần mềm cung cấp chức năng ghi nhật ký hệ thống.
<b>4.</b>	<b>An toàn ứng dụng và mã nguồn</b>	
4.1	Có chức năng cho phép kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, dữ liệu đầu vào trước khi xử lý.	Có chức năng thực thi việc kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, dữ liệu đầu vào trước khi xử lý
4.4	Có chức năng cho phép bảo đảm không lưu trữ thông tin xác thực, thông tin bí mật trên mã nguồn ứng dụng.	a) Thông tin xác thực, bí mật không được đưa trực tiếp vào mã nguồn ứng dụng mà phải được thiết lập thông qua giao diện cấu hình hệ thống.

### 2.9. Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 (nếu hoạt động trên môi trường Internet)

STT	Yêu cầu
1	Đảm bảo phần mềm hỗ trợ IPv6;
2	Đảm bảo đường truyền kết nối Internet cho Webserver hỗ trợ IPv6
3	Khai báo Webserver lắng nghe được các kết nối qua mạng IPv6
4	Khai báo bản ghi cho tên miền trên hệ thống DNS Hosting
5	Đảm bảo máy chủ DNS Hosting hỗ trợ IPv6
6	Sẵn sàng hỗ trợ địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6, DNSSEC. Triển khai HTTPS sử dụng giao thức TLS v1.2 trở lên với các bộ mã hóa an toàn trong xác thực người dùng và truyền nhận các thông tin nhạy cảm (thông tin cá nhân, thông tin thanh toán).

### 2.10. Yêu cầu chi tiết về việc đào tạo hướng dẫn sử dụng

#### Đào tạo, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng

- Đào tạo vận hành và hướng dẫn sử dụng là nội dung quan trọng của nhiệm vụ giúp cho việc triển khai thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT, tiếp nhận quản lý vận hành đạt hiệu quả cao nhất

**- Yêu cầu triển khai, cài đặt phần mềm:**

+ **Phạm vi triển khai:** Triển khai hệ thống, cấu hình, cài đặt đảm bảo phần mềm hoạt động ổn định.

+ **Mục đích:**

○ Lập kế hoạch và làm công tác chuẩn bị chu đáo để công tác triển khai thu được hiệu quả cao nhất.

○ Phối hợp chặt chẽ giữa chủ đầu tư và các đơn vị thụ hưởng phần mềm, công ty cung cấp phần mềm để thực hiện đúng kế hoạch được phê duyệt.

○ Thực hiện nghiêm túc sự trao đổi thông tin giữa nhà cung cấp phần mềm và đơn vị sử dụng để có những thông tin bổ ích phục vụ cho việc đáp ứng các yêu cầu của người dùng sau này.

○ Cấu hình hệ thống, cài đặt phần mềm.

+ **Kết quả đạt được:** Cài đặt phần mềm lên máy chủ đảm bảo phần mềm phải hoạt động được ngay sau khi nhân viên kỹ thuật của Công ty triển khai rời đơn vị.

+ **Nội dung công việc triển khai tại đơn vị:**

○ Kiểm tra hạ tầng;

○ Cấu hình hệ thống phần mềm;

○ Hiệu chỉnh giao diện;

○ Thu thập ý kiến đóng góp trong quá trình đào tạo tại chỗ và chuyển giao công nghệ tại chỗ;

○ Hỗ trợ vận hành thử nghiệm các phân hệ;

○ Thu thập ý kiến đóng góp trong quá trình vận hành;

○ Báo cáo vận hành thử nghiệm.

- Tổ chức đào tạo chuyển giao công nghệ, đào tạo hướng dẫn người sử dụng:

+ Nhà thầu thi công sẽ lập kế hoạch đào tạo cho các đối tượng do Chủ đầu tư cung cấp danh sách các người sử dụng hệ thống;

+ Nhà thầu sẽ cung cấp nội dung và tài liệu hướng dẫn sử dụng cho các đối tượng tham gia đào tạo;

+ **Đối tượng đào tạo:**

○ Quản trị hệ thống phần mềm

○ Cán bộ người sử dụng.

+ **Địa điểm đào tạo:** tại trụ sở đơn vị

+ **Số lớp:** 05 (tối đa 25 người/lớp)

+ **Phạm vi đào tạo:**

- Thực hiện việc chuyển giao phần mềm và hướng dẫn sử dụng tập trung;
- Hợp thống nhất tiến độ triển khai đào tạo, chuyển giao;
- Chuẩn bị và cung cấp đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng;
- Chuẩn bị phòng học, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo (máy tính, máy in, projector...);
- Thực hiện hướng dẫn sử dụng phần mềm.

**+ Đào tạo cán bộ quản trị hệ thống:**

- Nội dung:
  - ✓ Mô hình nghiệp vụ;
  - ✓ Sơ đồ dòng lưu chuyển dữ liệu;
  - ✓ Các chức năng sử dụng của các phân hệ;
  - ✓ Chức năng thiết lập mẫu báo cáo;
  - ✓ Kết nối và vận hành kỹ thuật giữa các phân hệ;
  - ✓ Tài liệu phân tích thiết kế;
  - ✓ Mô hình cài đặt vật lý của CSDL;
  - ✓ Cách thức quản trị mã nguồn;
  - ✓ Kỹ thuật quản trị hệ thống phần mềm.
- Yêu cầu:
  - ✓ Nắm vững các hồ sơ liên quan đến hệ thống phần mềm;
  - ✓ Nắm vững tổ chức CSDL;
  - ✓ Nắm vững các qui trình quản lý, qui trình vận hành của phần mềm;
  - ✓ Có thể hỗ trợ được cho người sử dụng cuối;
  - ✓ Có thể quản trị được các yêu cầu thay đổi hay các yêu cầu mới đối với từng phân hệ hay toàn bộ hệ thống.

**+ Đào tạo cán bộ người sử dụng:**

Hình thức đào tạo: Xây dựng tài liệu video, tài liệu infographic để người dùng dễ hiểu và sử dụng, tài liệu được biên soạn đầy đủ dễ hiểu, dễ sử dụng hệ thống, được đưa lên hệ thống.

- Nội dung:
  - ✓ Quy trình luân chuyển và xử lý nghiệp vụ;
  - ✓ Các chức năng thao tác cơ bản của phần mềm;
  - ✓ Quy tắc cập nhật dữ liệu, xử lý dữ liệu;
  - ✓ Quy tắc xử lý thông tin và khai thác thông tin;
  - ✓ Tìm kiếm, báo cáo và tổng hợp trên các mẫu biểu;

- ✓ Cài đặt và xử lý lỗi kỹ thuật;
- ✓ Khai thác thông tin;
- ✓ Thực hành trực tiếp trên máy tính;
- ✓ Thực hành trên số liệu thực tế;
- ✓ Chuyển giao mô hình thực tế.

○ Yêu cầu:

- ✓ Hiểu biết đầy đủ về tất cả các chức năng của phần mềm có liên quan;
- ✓ Sử dụng thành thạo phần mềm;
- ✓ Biết cách tuân thủ các quy tắc sử dụng;
- ✓ Biết cách sử dụng hướng dẫn trực tuyến.

- Tài liệu bàn giao:

Nhà thầu thi công có trách nhiệm bàn giao:

+ Các tài liệu của từng giai đoạn trong quá trình xây dựng, phát triển hoặc nâng cấp, mở rộng phần mềm theo nội dung hợp đồng đã ký kết;

+ Bộ chương trình cài đặt phần mềm;

+ Mã nguồn thực thi của chương trình;

+ Tài liệu đặc tả chức năng;

+ Tài liệu phân tích thiết kế hệ thống;

+ Các tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành; tài liệu phục vụ đào tạo người sử dụng, quản trị, vận hành; tài liệu quy trình bảo trì (nếu có); hướng dẫn về kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn (nếu có).

+ Tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối theo quy định (nếu có).

## **2.11. Các yêu cầu (nếu cần thiết) về kiểm thử hoặc vận hành thử, bảo hành, bảo trì**

### **\* Yêu cầu về vận hành**

Sử dụng nhân sự của đơn vị có các kỹ năng đáp ứng yêu cầu của mục 2.7

Các nhân sự tham gia đào tạo đầy đủ theo đúng yêu cầu và số lượng, thời lượng.

### **Phương án quản lý vận hành hệ thống sau khi triển khai đưa vào vận hành:**

Sau khi triển khai thành công, đội dự án sẽ hướng dẫn, chuyển giao công nghệ cho chủ đầu tư về hệ thống vừa triển khai. Đồng thời khi có yêu cầu, đội dự án sẽ cử người xuống sửa các lỗi xảy ra trong hệ thống vừa triển khai.

Khi việc hỗ trợ đã đảm bảo hệ thống đã hoạt động tốt, sẽ tiến hành ký các biên bản nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu hợp đồng.

Nhân sự tham gia vào giai đoạn này bao gồm:

- Nhóm phân tích - thiết kế, nhóm phát triển: chuyển giao công nghệ về các tài liệu thiết kế, tài liệu thông số cấu hình, tài liệu hướng dẫn vận hành, tài liệu hướng dẫn quản trị giám sát,...;

- Nhóm đào tạo - triển khai: chuyển giao công nghệ về các tài liệu quy trình cài đặt cấu hình, sửa các lỗi xảy ra;

- Quản trị dự án: làm đầu mối nhận các yêu cầu, phản hồi của khách hàng, ghi nhận các lần hỗ trợ.

STT	Tác vụ	Sản phẩm	Trách nhiệm	Mảng việc
1	Hỗ trợ sửa lỗi hệ thống	Biên bản hỗ trợ	Nhóm phát triển Nhóm triển khai	Giải pháp
2	Chuyển giao công nghệ	Biên bản chuyển giao công nghệ	Nhóm phát triển Nhóm triển khai	Giải pháp
3	Bàn giao tài liệu, sản phẩm	Biên bản bàn giao tài liệu	Nhóm phát triển Nhóm triển khai	Giải pháp
4	Báo cáo kết thúc đào tạo, triển khai	Báo cáo kết thúc đào tạo, triển khai	Nhóm đào tạo, Nhóm triển khai	Đào tạo
5	Tổng kết dự án	Báo cáo tổng kết dự án	Cán bộ quản trị dự án	Quản trị dự án

**\* Yêu cầu về bảo hành, bảo trì**

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao. Sau thời gian bảo hành, nếu phát sinh lỗi phần mềm liên quan đến nhà thầu thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục.

- Phương thức bảo hành: Trực tiếp ngay khi tiếp nhận thông tin về lỗi hoặc khó khăn trong quá trình sử dụng thông qua điện thoại, email, hoặc các phần mềm hỗ trợ trực tuyến từ xa. Trường hợp không khắc phục được sẽ bảo hành tận nơi trong vòng 48 tiếng.

**3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV:** Ngay sau khi hợp đồng ký kết có hiệu lực.

**III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

**1. Các báo cáo phải nộp:** Các báo cáo trong quá trình Xây dựng phần mềm

**2. Tiến độ nộp báo cáo:** Trong vòng 60 ngày kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực.

STT	Hồ sơ xây dựng phần mềm	Tiến độ nộp
1	Tài liệu của từng giai đoạn trong quá trình phát triển phần mềm theo quy định tại Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.	60 ngày
2	Bộ chương trình cài đặt phần mềm.	60 ngày
3	Tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành.	60 ngày
4	Tài liệu phục vụ đào tạo người sử dụng, quản trị, vận hành.	60 ngày

#### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu phải đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III của E-HSMT.

#### **V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Cử cán bộ hỗ trợ trong quá trình tiếp cận các tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn;

- Cung cấp các tài liệu có liên quan, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.